

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày: 19/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lưu T** - Nguyên Hiệu trưởng Trường tiểu học số 3 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G;

2. Ông **Lê Văn D** - Nguyên Chủ tịch liên đoàn lao động huyện Đ, tỉnh G.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Thế Q** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2019/HSST ngày 04 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: M, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/01/2002, tại huyện Đ, tỉnh G; Nơi cư trú: Làng Blo, xã A Dok, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; còn ông L, sinh năm 1977; con bà AMai, sinh năm 1977; Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Làng Blo, xã A Dok, huyện Đ, tỉnh G; Gia đình bị cáo có 06 chị, em; lớn nhất sinh năm 1996; nhỏ nhất sinh năm 2008, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: D, tên gọi khác: Đ; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10/11/2002, tại huyện Đ, tỉnh G; Nơi cư trú: Làng Blo, xã A Dok, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông Đ1, sinh năm 1982; Mẹ: P, sinh năm 1984; Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Làng Blo, xã A Dok, huyện Đ, tỉnh G; Gia đình bị cáo có 04 anh, em; lớn nhất sinh năm 2002; nhỏ nhất sinh năm 2012, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: B - sinh năm: 1966

Trú tại: Làng Blo, xã A Dok, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. **G1** - sinh năm: 1994

Trú tại: Làng O Đeh, xã Ia Pét, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

2. **L** - sinh năm: 1977

Trú tại: Làng Blo, xã A Dok, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

3. **P** - sinh năm: 1984

Trú tại: Làng Blo, xã A Dok, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

4. **H** - sinh năm: 2000

Trú tại: Làng Blo, xã A Dok, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo D: Ông **Đ1**, sinh năm 1982 (bố ruột) và bà **P**, sinh năm 1984 (mẹ ruột). Bà Prin có mặt, ông Đum vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo M: Ông **L**, sinh năm 1977 (bố ruột) và bà **A**, sinh năm 1977 (mẹ ruột). Ông L có mặt, bà AMai vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo M và bị cáo D: Bà **Nguyễn Hoàng Kim L** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

Người phiên dịch tiếng Jarai: Ông **J**

Trú tại: Tổ dân phố 9, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 4/2019, anh G1 (sinh năm 1994, trú tại: Làng O Đeh, xã IaPét, huyện Đ, tỉnh G) nhận đào giếng cho nhà cậu ruột tên L (em mẹ, trú tại: Làng Blo, xã A'Dok, huyện Đ, tỉnh G) nên G1 có mang theo một máy bơm nước để đào giếng. Sau khoảng 15 ngày đào xong giếng thì G1 cho ông L mượn lại máy bơm để bơm nước sinh hoạt trong lúc chưa mua được máy bơm. Đến ngày 26/4/2019, gia đình ông L mua máy bơm mới nên ông L nói với con trai tên M chở máy bơm trả cho G1 thì G1 nói M đem máy bơm đến cất trong nhà bếp của ông B (sinh năm 1966, trú tại: Làng Blo, xã ADok, huyện Đ, tỉnh G), ông B là bố đẻ của G1.

Vào khoảng 10 giờ ngày 27/4/2019, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 81C1-138.80 chở M, đi lên khu vực Đồi thông đầu làng Blo, xã A'Dok chơi và mua rượu uống. Trong lúc uống rượu, M rủ D đến nhà ông B trộm cắp máy bơm nước bán lấy tiền tiêu xài thì D đồng ý. D chở M đến nhà B quan sát thấy không có người ở nhà nên M nói với D đứng ngoài đường chờ, một mình M đi vào trong nhà ông B mở cửa bếp (cửa không có khóa) để lấy trộm chiếc máy bơm nước nhãn hiệu TD- 2,5HP màu sơn đen bạc mang ra ngoài. Sau đó D chở M ngồi sau ôm máy bơm đi lên đầu đường đi xã Ia Pét thì D nói với M đi qua xã Ia Pét tìm chỗ bán máy bơm, D không đi ngồi ở đường chờ M. Một mình M chở máy bơm trộm cắp đến tiệm điện cơ “Thanh Q” của Phạm Thanh Q (trú tại: Thôn 10, xã Ia Pét, huyện Đ, tỉnh G) để bán máy bơm. Anh Q xem máy bơm thì nhận ra là máy bơm trên của anh Q đã bán cho khách hàng nên nghi ngờ M đã trộm máy bơm trên, anh Quy nói với M đồng ý mua máy bơm với giá 400.000 đồng và hẹn chiều cùng ngày sẽ trả tiền cho M, sau đó anh Q đã điện thoại báo cho Công an xã Ia Pét về vụ việc

trên. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi M đến gặp anh Quy để lấy tiền thì bị Công an xã Ia Pết mời về trụ sở để làm việc, quá trình làm việc M đã khai nhận cùng D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 15/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, tỉnh G xác định: 01 máy bơm nước nhãn hiệu TD- 2,5HP có trị giá là: 2.600.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 46/CTr-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh G truy tố bị cáo M và D về tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hiện quyền công tố đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, điều 65, điều 91, điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo M và bị cáo D mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo thống nhất cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên xử bị cáo M mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, cho hưởng án treo; đối với bị cáo D đề nghị áp dụng điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, người liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội như sau: Vào khoảng 10 giờ ngày 27/4/2019, tại nhà ông B, thuộc làng Blo, xã A'Dok, huyện Đ, tỉnh G, lợi dụng sơ hở của bị hại các bị cáo M và D đã lén lút trộm cắp 01 máy bơm nước nhãn hiệu TD- 2,5HP, theo kết quả định giá có trị giá là: 2.600.000 đồng. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ đồng thời còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả của tội phạm mà mình gây ra.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm nhưng không có sự chuẩn bị, phân công từ trước nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo M là người khởi xướng, rủ rê đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội và cũng là người thực hiện hành vi rất tích cực nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; bị cáo D là đồng phạm trong vụ án, tham gia trong vụ án với vai trò là người giúp sức.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hình vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó khăn, học vấn rất thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, khi phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên sẽ được hưởng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại chương XII Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo, xét thấy đề nghị về mức hình phạt tù, cho hưởng án treo đối với cả 02 bị cáo của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là phù hợp, có căn cứ vì các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Về vật chứng:

Quá trình điều tra xác định 01 máy bơm nước nhãn hiệu TD- 2,5HP thuộc sở hữu của anh G1 nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

Đối với biển số 81C1-13880 là biển số của xe mô tô nhãn hiệu DAYANG, số máy: FMG80309636, số khung: 0012U309636 của anh HAR (sinh năm 1973, trú tại: Làng O Dêh, xã Ia Pêh, huyện Đ, tỉnh G) đăng ký chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã trả lại biển số xe 81C1-13880 cho anh H đúng theo quy định.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN, số máy: VDMD 100-0006803; số khung: VHHDCG084UM-070380, D mua của V, trú tại: Làng ghè, xã Trang, huyện Đ, tỉnh G với số tiền 600.000 đồng, xe không có giấy tờ, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc đối với xe mô tô trên nên tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc và xử lý sau là phù hợp.

Về dân sự:

Không ai có yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 91; 101 Bộ luật hình sự;

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo M và bị cáo D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo **M** 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo **D** 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo M và bị cáo D cho Ủy ban nhân dân xã A Đơk, huyện Đ, tỉnh G nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 3 điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Xử buộc các bị cáo M và D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/02/2020), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Công an huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- THADS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ/VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân H